

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 7- 2024  
V/v ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Thí và bà Nguyễn Thị Hoè

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 22/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố Trung Trinh, thị trấn Quán H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- Bị đơn: Bà Phan Thị Hồng L, sinh năm 1980

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố Trung Trinh, thị trấn Quán H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Hiện trú tại: K, Japanischhe S, Ludwigstr7 – 93047 Reg, Cộng hoà liên bang Đức, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn xin ly hôn và bản tự khai ông Lê Văn L trình bày: Nguyên đơn và bà Phan Thị Hồng L yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DN, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 18 tháng 7 năm 2001. Vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Cuối năm 2020 bà L đi xuất khẩu lao động ở Cộng hoà liên bang Đức cho đến nay, thời gian đầu bà L thỉnh thoảng có điện thoại về hỏi thăm con cái nhưng

không nói chuyện với chồng. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên nguyên đơn xin được ly hôn bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng nguyên đơn có 03 con chung cháu Lê Thị Hoài P, sinh ngày 20/7/2002; Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2009 và Lê Phước M, sinh ngày 02/9/2018. Hiện cháu Lê Thị Hoài P đã trưởng thành nên cháu muốn ở với ai đó là quyền của cháu; cháu Lê Phan Yến N, sinh ngày 21/11/2009 hiện đang sống với nguyên đơn còn cháu Lê Phước M đang sống với bà ngoại - mẹ của bà Phan Thị Hồng L nhưng nay đã về ở cùng nguyên đơn. Sau khi ly hôn nguyên đơn muốn nuôi cháu Lê Thị Yến N, sinh ngày 21/11/2009 và cháu Lê Phước M, sinh ngày 02/9/2018. Không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Toà án xem xét.

Tại Bản tự khai bị đơn bà Phan Thị Hồng L gửi về ngày 17/6/2024 trình bày: Bị đơn nhất trí với trình bày của nguyên đơn về quan hệ tình cảm, con chung, tài sản và nợ. Bị đơn hiện đang lao động tại Cộng hoà liên bang Đức, vợ chồng sống xa nhau không tin tưởng lẫn nhau, không ai quan tâm đến ai, nay ông L làm đơn ly hôn bị đơn cũng đồng ý vì bị đơn cũng thấy tình cảm vợ chồng không còn, để mỗi người có một cuộc sống riêng. Về con chung: Vợ chồng có ba con chung; cháu Lê Thị Hoài P, sinh ngày 20/7/2002 hiện cháu đã trưởng thành cháu muốn sống với ai tùy cháu; Cháu Lê Phan Yến N, sinh ngày 21/11/2009 giao cho ông L chăm sóc nuôi dưỡng vì hiện cháu đang sống cùng với ông L còn cháu Lê Phước M bà muốn chăm sóc nuôi dưỡng, vì từ nhỏ đến nay cháu ở cùng với mẹ bị đơn và không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thoả thuận và vợ chồng không nợ ai nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Lê Văn L được ly hôn bà Phan Thị Hồng L; về con chung: Cháu Lê Thị Hoài P đã trưởng thành nên không xem xét; Giao ông L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phan Yến N, sinh ngày 21/11/2009 và cháu Lê Phước M, sinh ngày 02/9/2018, không yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ không xem xét. Buộc nguyên đơn phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa,

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng:Nguyên đơn làm đơn xin ly hôn bị đơn đang cư trú, lao động tại nước ngoài. Tại Thông báo số 604/CV - QLXNC ngày 05/3/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh Quảng Bình thì bà Phan Thị Hồng L đã xuất cảnh lần gần nhất vào ngày 27/02/2020 đến nay chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn (bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã gửi văn bản tố tụng cho Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hoà liên bang Đức để tổng đạt và gửi cho bị đơn theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp. Toà án đã nhận được bản tự khai, Đơn xin xét xử vắng mặt của bị đơn; Toà án trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký của bị đơn với mẫu so sánh trên giấy đăng ký kết hôn của nguyên đơn, bị đơn được UBND xã DN, huyện Quảng Ninh thực hiện ngày 18/7/2001; tại Kết luận giám định số 691/KL – KTHS ngày 28/6/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Bình kết luận, chữ ký, chữ viết “Phan Thị Hồng L” tại bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt do cùng một người ký và viết ra. Theo quy định tại khoản 1 Điều 474, điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2].Về nội dung:

[2.1].Về qun hệ hôn nhân:Ông Lê Văn L và bà Phan Thị Hồng L yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tạiỦy ban nhân dân xã DN, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 18 tháng 7 năm 2001 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn ông bà sống phúc đến năm 2020 bị đơn đi lao động tại Cộng hoà liên bang Đức cho đến nay, cả hai không quan tâm đến nhau, thường hay cãi vã nên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, bị đơn không còn quan tâm đến nguyên đơn và cùng nhất trí việc ly hôn. Hội đồng xét xử thấy ông bà không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho ông L ly hôn bà L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Ông bà đều thừa nhận có 03 con chung cháu Lê Thị Hoài P, sinh ngày 20/7/2002; cháu Lê Phan Yến N, sinh ngày 21/11/2009 và cháu Lê Phước M, sinh ngày 02/9/2018; Hiện Cháu Lê Thị Hoài P đã trưởng thành nên không xem xét; bà L có nguyện vọng giao cháu Lê Phan Yến N, sinh ngày 21/11/2009 cho ông L nuôi dưỡng còn cháu Lê Phước M, sinh ngày 02/9/2018 bà L nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và không ai đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng do bà L ở nước ngoài không thể chăm

sóc nuôi dưỡng con chung được và tại phiên toà ông L mong muốn được nuôi cả cháu N và cháu M nên Hội đồng xét xử giao con chung cháu Lê Phan Yến N, sinh năm 2009 và cháu Lê Phước M, sinh ngày 02/9/2018 cho ông L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[3]. Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ chi phí tố tụng hết 5.670.000 đồng nên cần buộc nguyên đơn chịu toàn bộ chi phí tố tụng (nguyên đơn đã nộp đủ).

[4]. Về án phí: Nguyên đơn chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 153, Điều 161, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 474, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn L ly hôn bà Phan Thị Hồng L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho ông Lê Văn L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Lê Phan Yến N, sinh năm 2009 và cháu Lê Phước M, sinh năm 2018 cho đến khi hai cháu trưởng thành. Bà Phan Thị Hồng L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Văn L phải chịu 5.670.000 đồng chi phí tố tụng, ông đã nộp đủ.

5. Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004807

ngày 19/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Ông Lê Văn L đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn ông Lê Văn L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Phan Thị Hồng L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thanh Nhàn**